TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 987/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Khanh.

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 688/2023/TLST-DS ngày 21/11/2023, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 550/2024/QĐXXST-DS ngày 09/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 404/2024/QĐST-DS ngày 05/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ trụ sở: 266 – 268 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Đậu Việt H, sinh năm 1999 hoặc ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1992; địa chỉ: 38 đường T, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – theo Giấy ủy quyền số 39/2024/GUQ-CNQ12 ngày 05/01/2024. (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị Bích H, sinh năm 1985; địa chỉ: 3/103N ấp N1, xã T, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án,nguyên đơn Ngân hàng S, có người đại diện theo ủy quyền là ông Trương Đậu Việt H hoặc ông Nguyễn Trọng N trình bày:

Ngày 17/8/2020, bà Võ Thị Bích H ký với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S),

hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 33.2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 356480-3348, bà H đã thực hiện các giao dịch (bao gồm phí, lãi phát sinh) với tổng số tiền là 37.529.006 đồng. Bà H đã thanh toán tổng số tiền là 26.728.000 đồng theo thứ tự thanh toán quy định tại Điều 21.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H liên tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18, lần cuối cùng bà H thanh toán là ngày 22/02/2023. Ngân hàng đã thông báo, nhắc nhở nhưng bà H không có thiện chí trả nợ. Ngày 22/3/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ gốc quá hạn theo Điều 24, với tổng số tiền nợ gốc là 10.801.006 đồng, và bà H phải chịu lãi suất quá hạn theo hợp đồng kể từ ngày 22/3/2023 nhưng bà H vẫn không thanh toán.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán ngay một lần tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 19.091.596 đồng, gồm 10.801.006 đồng nợ gốc, 8.290.590 đồng nợ lãi quá hạn; bà H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng từ ngày 28/9/2024 đến khi trả xong nợ.

Bị đơn là bà Võ Thị Bích H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Về thủ tục tố tụng: Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, người tham gia tố tụng đã được bảo đảm thực hiện đúng và đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bảng Tóm tắt sao kê do Ngân hàng phát hành, có căn cứ xác định bà H đã giao kết và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng với hạn mức 10.000.000 đồng, đã thực hiện giao dịch tổng số tiền 37.529.006 đồng, đã thanh toán tổng số tiền 26.728.000 đồng, còn nợ số tiền 10.801.006 đồng từ ngày 22/02/2023 nhưng không thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng khoản tiền còn nợ kèm lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng. Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu khách hàng là cá nhân thanh toán khoản vay có mục đích tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng đã ký. Bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Hóc Môn, theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng, theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, số tiền 10.801.006 đồng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 412/TTD ngày 17/8/2020, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S, xác định bà H ký kết và sử dụng thẻ tín dụng số số 356480-3348 từ ngày 22/9/2020 với hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng.

Theo trình bày của Ngân hàng kèm bảng Tóm tắt sao kê, bà H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 10.801.006 đồng. Bà H không tiếp tục thanh toán từ ngày 22/02/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H kể từ ngày 22/3/2023, chuyển các khoản nợ còn lại sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng đã ký, Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 22/02/2023 nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán khoản tiền nợ gốc này là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 27/9/2024 là 8.290.590 đồng:

Như nhận định tại mục [3.1], bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 22/3/2023, và bà H phải chịu tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc 10.801.006 đồng tính từ ngày 22/3/2023.

Theo trình bày của Ngân hàng kèm bảng Tóm tắt sao kê, tính đến ngày 27/9/2024, tiền lãi quá hạn bà H phải thanh toán là 8.290.590 đồng, được tính theo mức lãi suất quá hạn 49.8%/năm (lãi suất trong hạn 33.2%/năm x 150%) là phù hợp với thỏa thuận tự nguyện của hai bên tại hợp đồng đã ký; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 7, 8, 10 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán khoản tiền lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận; ngoài ra, bà H phải tiếp tục thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh theo hợp đồng từ ngày 28/9/2024 đến khi trả xong nợ.

[4] Khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ".* Bà H không có ý kiến phản hồi, không cung

cấp tài liệu chứng cứ nên phải tự chịu trách nhiệm và Hội đồng xét xử căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[5] Nội dung phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu tiền án phí có giá ngạch tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 7, 8, 10, khoản 1 Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S:

Buộc bà Võ Thị Bích H phải thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 19.091.596 đồng, gồm nợ gốc là 10.801.006 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.290.590 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 412/TTD ngày 17/8/2020, kèm bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S, thẻ tín dụng số 356480-3348.

Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị Bích H phải chịu số tiền 954.580 đồng, thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân hàng S số tiền 339.860 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0004424 ngày 21/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Huy

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- THADS huyện Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ.